

Biểu số 01**Số đối tượng đang hưởng chế độ bệnh binh***(Ban hành kèm theo Kết luận số /KL-SLĐTBXH ngày /11/2022 của Sở LĐTBXH)*

| Stt | Đơn vị | Trước năm 1995 | Theo Nghị định số 28 | Theo Nghị định số 54 | Theo Nghị định số 31 | Tổng cộng |
|------------------|------------------|----------------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------|
| 01 | Thị trấn Eatling | 12 | 0 | 0 | 01 | 13 |
| 02 | Xã Tâm Thắng | 07 | 0 | 0 | 0 | 07 |
| 03 | Xã Nam Dong | 17 | 0 | 0 | 0 | 17 |
| 04 | Xã Ea Pô | 11 | 0 | 0 | 0 | 11 |
| 05 | Xã Đăk Drông | 02 | 0 | 0 | 0 | 02 |
| 06 | Xã Đăk Wil | 02 | 01 | 0 | 0 | 03 |
| 07 | Xã Trúc Sơn | 01 | 0 | 0 | 0 | 01 |
| 08 | Xã Cư Knia | 02 | 0 | 0 | 0 | 02 |
| Tổng cộng | | 54 | 01 | 00 | 01 | 56 |

Biểu số 02**Số đối tượng thương binh giám định theo Thông tư liên tịch số 20/2000/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 20/02/2000 của liên Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế***(Ban hành kèm theo Kết luận số /KL-SLĐTBXH ngày /11/2022 của Sở LĐTBXH)*

| Stt | Đơn vị | Đối tượng thương binh | | | |
|-------------|------------------|-----------------------|---|---|---|
| | | Tổng số | Số đối tượng trước khi giám định đã được kết luận tỷ lệ MSLĐ từ 5-20% | Số đối tượng đã được kết luận tỷ lệ MSLĐ từ 21% trở lên giám định lại vết thương tái phát (lần 1) | Số đối tượng giám định lại vết thương tái phát từ lần 2 trở lên |
| 01 | Thị trấn Eatling | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 02 | Xã Tâm Thắng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 03 | Xã Nam Dong | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 04 | Xã Ea Pô | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 05 | Xã Đăk Drông | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 06 | Xã Đăk Wil | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 07 | Xã Trúc Sơn | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 08 | Xã Cư Knia | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | | 0 | 0 | 0 | 0 |